TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6- T

Bản án số: 16/2025/HS-ST
Ngày: 29- 10- 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - T

- Với thành phần xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Duy Nam, ông Phạm Đức Hải;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6- T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- T tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 6- T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:12/2025/HS-ST ngày 02/10/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Đ M B, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1961. Tên gọi khác: không

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: khu Thạch Đê, xã V, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa lớp 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đ T Q (đã chết) và bà D T Đ (đã chết); Có vợ là N T Đ , sinh năm 1963. Bị cáo có 03 con

Tiền sự, Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/7/2025 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 19/07/2025, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại xã V, tỉnh T (Có mặt).

2. H V C, sinh ngày 07 tháng 7 năm 1979. Tên gọi khác: không

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: khu Dốc Thặng, xã L, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa lớp 03/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông H V Q (là Liệt sỹ) và bà N T M, sinh năm 1957; Bà nội N T B (là mẹ việt nam anh Hùng); Có vợ là K T K A, sinh năm 1979. Bị cáo có 02 con.

Tiền sự, Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/7/2025 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 19/07/2025, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại xã L, tỉnh T (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Hồi 18 giờ 10 phút ngày 16/7/2025, Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh T phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành kiểm tra tại nhà ở của Đ M B, sinh năm 1961, ở khu Thạch Đê, xã V, tỉnh T, phát hiện B đang có hành vi đánh bạc, dưới hình thức sử dụng điện thoại truy cập ứng dụng zalo để nhận tin nhắn mua số lô, số đề của H V C, sinh năm 1979, ở khu Dốc Thặng, xã L, tỉnh T với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 14.735.000 đồng. Phòng cảnh sát hình sự đã lập biên bản sự việc, thu giữ vật chứng là 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5s, lắp sim thuê bao số 0877696195 của Đ M B đã sử dụng để đánh bạc.

Cùng ngày, sau khi biết hành vi đánh bạc của mình bị phát hiện, H V C đã đến Phòng cảnh sát hình sự để đầu thú và khai nhận hành vi đánh bạc với Đ M B. Tại cơ quan điều tra , H V C tự nguyện giao nộp 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 lắp sim thuê bao số 0342291979 là điện thoại C sử dụng để đánh bạc với B.

Tại cơ quan điều tra, Đ M B và H V C đã khai nhận hành vi đánh bạc của mình cụ thể như sau: Do có mối quan hệ quen biết và muốn có tiền nên B, C đã thoả thuận đánh bạc với nhau dưới hình thức mua, bán số lô, số đề. Để thực hiện hành vi đánh bạc, B và C cho nhau số điện thoại đăng ký tài khoản zalo để gửi tin nhắn mua, bán số lô, số đề. Trong đó: H V C sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, lắp sim thuê bao số 0342291979 để truy cập vào tài khoản zalo của C có tên đăng nhập là "Băng Băng", được lập bởi số điện thoại 0877471796 và C lưu tên tài khoản zalo của Đ M B là "B tien đâu".

Đ M B sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5s, lắp sim thuê bao số 0877696195 đăng nhập và tài khoản zalo của C là "Việt Kieu".

Về cách thức đánh bạc: Các bị cáo thống nhất sử dụng kết quả xổ số Miền B mở thưởng hàng ngày làm căn cứ để so sánh. Số đề là hai số tự nhiên từ 00 đến 99, sau đó được đối chiếu với hai số cuối của giải đặc biệt nếu trùng thì người mua số trúng thưởng và được trả gấp 70 lần số tiền đã mua. Tương tự số lô được đối chiếu với hai số cuối của tất cả các giải (27 giải), nếu số lô đã mua trùng với hai số cuối của một trong các giải thì người mua trúng thưởng. Số lô được tính theo điểm, 01 điểm lô là 22.500 đồng, trúng thưởng được trả 80.000 đồng/1 điểm lô. Tiền thắng, thua mua bán số lô, số đề, B và C sẽ thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt vào ngày hôm sau.

Khoảng 17 giờ ngày 16/7/2025, H V C đã sử dụng tài khoản zalo trên gửi 10 tin nhắn mua nhiều số lô, số đề với tổng số tiền là 14.735.000 đồng đến tài khoản zalo của Đ M B. Đ M B nhắn tin lại "OK" để xác nhận và đồng ý. Đến khoản 18 giờ 10 phút cùng ngày, Đ M B bị Phòng cảnh sát hình sự, Công an tỉnh T phát hiện và lập biên bản như đã nêu trên.

Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại của Đ M B và sao lưu tin nhắn zalo mua số lô, số đề của H V C và Đ M B để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại cơ quan điều tra, Đ M B và H V C đã tự giải trình các số lô, số đề và số tiền mà C đã mua của B trong ngày 16/7/2025. Hành vi đánh bạc của các bị cáo bị phát hiện

trước khi có kết quả mở thưởng xổ số miền B nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về số tiền dùng để đánh bạc là 14.735.000 đồng.

Quá trình khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Đ M B và H V C đều không thu thập tài liệu khác có liên quan đến hành vi đánh bạc. Tại cơ quan điều tra B và C đều khai nhận đây là lần đầu tiên các đối tượng đánh bạc với nhau, ngoài ra B và C khai không đánh bạc với ai khác nữa.

Kết quả xác minh thông tin thuê bao điện thoại xác định:

Đối với số điện thoại 0342291979 của H V C sử dụng là đăng ký thuê bao chính chủ; đối với số điện thoại 0877471796, C sử dụng để đăng ký tài khoản Zalo, có đăng ký thông tin chủ thuê bao là Phùng Công Mạnh, sinh năm 2003, ở xã L, huyện V, thành phố N (nay là thôn P, xã B, thành phố N). Cơ quan điều tra đã làm việc với anh P C M, tuy nhiên anh M khẳng định không đăng ký, sử dụng số thuê bao trên. Do vậy không có căn cứ đề cập xử lý.

Đối với số điện thoại 0877696195 Đ M B sử dụng, có đăng ký thông tin chủ thuê bao là N TH P, sinh năm 2007, ở tổ dân phố H, huyện Y, tỉnh N (nay là tổ dân phố T, phường X, tỉnh N). Cơ quan điều tra đã làm việc với chị N T H P, tuy nhiên chị P không quen biết B và không đăng ký, sử dụng số thuê bao trên. Do vậy không có căn cứ đề cập xử lý.

Cáo trạng số: 46/CT-VKSPT-P2 ngày 30/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T truy tố các bị cáo: Đ M B, H V C, về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Đ M B, H V C, phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ M B.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H V C.

+ Xử phạt bị cáo Đ M B từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, trừ 03 (ba) ngày tạm giữ (từ ngày 16/7/2025 đến ngày 19/7/2025) được quy đổi bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự công an tỉnh T nhận được quyết định Thi hành án.

Giao bị cáo cho UBND xã V, tỉnh T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo B từ 5% đến 10% số tiền thu nhập 3.000.000 đồng/tháng đối với bị cáo.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, theo đúng quy định tại Khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo B.

+ Xử phạt bị cáo H V C từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, trừ 03 (ba) ngày tạm giữ (từ ngày 16/7/2025 đến ngày 19/7/2025) được quy đổi bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự công an cấp tỉnh T nhận được quyết định Thi hành án.

Giao bị cáo cho UBND xã L, tỉnh T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo C từ 5% đến 10% số tiền thu nhập 3.000.000 đồng/tháng đối với bị cáo C.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, theo đúng quy định tại Khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo C.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

+ Truy thu sung vào ngân sách nhà nước: Số tiền 14.735.000 đồng của bị cáo C đánh bạc.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 của H V C, 01 chiêc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5s của Đ M B dùng vào việc đánh bạc.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 phôi sim thuê bao số 0342291979 của H V C; 01 phôi sim thuê bao số 0877696195 của Đ M B dùng vào việc đánh bạc.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ Khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xét thấy bị cáo Đ M B là người cao tuổi, bị cáo H V C là thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ, nên các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân, không tham gia tranh luận đối với bản luận tội và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi vi phạm pháp luật của bản thân và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có cơ hội sửa chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các

bị cáo không có ý kiến gì hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2]. Về những chứng cứ xác định có tội và không có tội:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến nội dung sự việc, có đủ căn cứ kết luận: Do có quen biết với nhau nên khoảng 17 giờ 00 phút ngày 16/7/2025, Đ M B, H V C đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức sử dụng điện thoại đăng nhập vào tài khoản zalo của mình để nhắn tin mua, bán số lô, số đề. Đến 18 giờ 10 phút cùng ngày thì hành vi đánh bạc của các bị cáo bị cơ quan điều tra phát hiện. Số tiền đánh bạc nói trên C và B chưa thanh toán cho nhau. Trong vụ án này, các bị cáo đều là người thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đánh bạc với nhau là lần đầu và ngoài ra các bị cáo cũng không đánh bạc với ai khác. Hành vi đánh bạc của các bị cáo bị phát hiện trước khi có kết quả mở thưởng xổ số miền B, nên tổng số tiền các bị cáo đánh bạc được xác định là 14.735.000 đồng. Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nên hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[3]. Các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Đối với bị cáo B có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo H V C có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có bố đẻ là Liệt sỹ nên bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình và có bà nội là "mẹ Việt Nam anh hùng" nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Bị cáo B và bị cáo C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Xét tính chất của hành vi phạm tội là ít nghiêm trọng, hành vi đánh bạc của các bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn, ảnh hưởng đến môi trường và cuộc sống lành mạnh trong khu dân cư, dư luận xã hội bất bình, lên án. Hành vi phạm tội của các bị cáo thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, và cần phải xử lý tương ứng với hành vi mà các bị cáo gây ra.

Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự, quy định: "*Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng*

đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Căn cứ vào tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy không cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

Quá trình xác minh tại địa phương, xác định các bị cáo lao động tự do, có thu nhập hàng tháng là 3.000.000 đồng nên cần khấu trừ thu nhập đối với bị cáo B và bị cáo C mỗi bị cáo 5%/tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ để nộp vào ngân sách nhà nước .

[4]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000đồng*".

Xét thấy bị cáo B, bị cáo C không có tài sản riêng, nghề nghiệp lao động tự do, có thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 của bị cáo C và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5s của bị cáo B là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu để nộp ngân sách nhà nước.

- Số tiền 14.735.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, số tiền này bị cáo C chưa thanh toán cho bị cáo B nên cần truy thu của bị cáo C để sung vào ngân sách Nhà nước.

- 01 phôi sim số 0877696195 của B và phôi sim số 0342291979 của C do không còn giá trị sử dụng nên cần tiêu huỷ.

[6]. Về án phí: Bị cáo B là người cao tuổi; Bị cáo C là thân nhân của liệt sỹ (con của liệt sỹ) nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ M B.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H V C.

[1]. Tuyên bố các bị cáo **Đ M B** và **H V C** phạm tội "Đánh bạc".

- Xử phạt bị cáo **Đ M B** 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, trừ 03 (ba) ngày tạm giữ (từ ngày 16/7/2025 đến ngày 19/7/2025) được quy đổi bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo B còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 21 (Hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh T nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Giao bị cáo B cho UBND xã V, tỉnh T, giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành hình sự

Trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ, khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo B là 05% trên tổng thu nhập 3.000.000 đồng, bằng số tiền là 150.000 đồng/tháng để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ được thực hiện hằng tháng cho đến khi chấp hành xong hình phạt.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, theo đúng quy định tại Khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo B.

- Xử phạt bị cáo **H V C** 08 tháng cải tạo không giam giữ, trừ 03 (ba) ngày tạm giữ (từ ngày 16/7/2025 đến ngày 19/7/2025) được quy đổi bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo C còn phải chấp hành 07 (Bẩy) tháng 21 (Hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh T nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Giao bị cáo C cho UBND xã L, tỉnh T, giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành hình sự

Trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ, khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo C là 5%/tổng thu nhập 3.000.000 đồng, bằng số tiền là 150.000 đồng/tháng, để nộp vào ngân sách nhà nước. Việc khấu trừ được thực hiện hằng tháng cho đến khi chấp hành xong hình phạt.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, theo đúng quy định tại Khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo C.

[2]. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu để nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 của bị cáo C và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5s của bị cáo B.

- Tiêu huỷ 01 phôi sim số 0877696195 của B và 01 phôi sim số 0342291979 của C.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Phòng thi hành án dân sự Khu vực 6- T ngày 22/10/2025).

- Truy thu số tiền 14.735.000đ (Mười bốn triệu bẩy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) của bị cáo C để nộp ngân sách nhà nước.

[3]. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo B và bị cáo C.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh T;
-VKSND KV 6- T;
- THADS tỉnh T (Phòng THADS KV6);
- CQTHAHS- CA tỉnh T;
- CQCSĐT- CA tỉnh T;
- Bộ phận Thi hành án hình sự;
- UBND xã V,
- UBND xã L;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thảo